

Bản án số: 07/2026/LĐ - ST

Ngày: 05-03-2026

V/v “*Tranh chấp tuyên bố  
hợp đồng lao động vô hiệu*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Nguyễn Thi Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Cơ

Ông Nguyễn Công Chi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng đã xét xử công khai vụ án lao động thụ lý số 13/2025/TLST-LĐ ngày 03/12/2025 về việc “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-LĐ ngày 13 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị X, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn T, phường L, TP Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: C T, phường H, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH L; Trụ sở: Lô X đường số A KCN H mở rộng, phường L, TP Đà Nẵng. Có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Phạm Thị P, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Tổ B C, xã Đ, TP Đà Nẵng . Có đơn xin vắng mặt.

2/ Bảo hiểm xã hội T2; Địa chỉ: Số D X, Phường H, TP Đà Nẵng. Có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị X là ông Lê Xuân T trình bày:**

Bà Phạm Thị X và bà Phạm Thị P là hai chị em ruột, khoảng tháng 12 năm 2007 gia đình bà X lúc đó khó khăn mà bà P lại không có việc làm nhưng chưa đủ tuổi, là chị em ruột nên bà X có cho bà P mượn giấy tờ tùy thân là chứng minh nhân

dân đề P xin việc làm, khi có giấy tờ của bà X, bà P đã được Công ty TNHH L ký hợp đồng lao động và làm công nhân tại đây. Do hạn chế hiểu biết về pháp luật, nên lúc đó bà X cũng không suy nghĩ gì, bà X đi làm tại Công ty TNHH K1 và tham gia đóng bảo hiểm bắt buộc với mã số BHXH: 4808034289 từ tháng 9 năm 2008 đến tháng 02 năm 2009. Sau một thời gian bà X phát hiện ra bà Phạm Thị P cũng đóng bảo hiểm lấy tên bà Phạm Thị X tại Công ty TNHH L. Như vậy Công ty TNHH L đã đóng bảo hiểm bắt buộc cho bà Phạm Thị P1 trong khoảng thời gian 02 năm 04 tháng với mã số BHXH: 4808009669. Do vậy Công ty TNHH L nơi bà Phạm Thị P làm việc và Công ty TNHH K1 nơi bà Phạm Thị X làm việc đều tham gia đóng BHXH bắt buộc cho bà (Phạm Thị X) tại cơ quan BHXH, sự việc này dẫn đến bà Phạm Thị X có 02 số BHXH: mã số: 4808034289 và 4808009669. Chính vì lý do nêu trên nên bà X không thể làm hồ sơ để hưởng chế độ một lần tại cơ quan BHXH Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của bà X bị ảnh hưởng nên bà X làm đơn này đề nghị Tòa án các vấn đề sau:

- Tuyên hợp đồng lao động đã ký ngày 04 tháng 12 năm 2007 giữa bà Phạm Thị X với Công ty TNHH L là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động. Người lao động trực tiếp tham gia lao động là bà Phạm Thị P trong khi hợp đồng lao động mang tên bà Phạm Thị X. Về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu bà X không yêu cầu.

**\* Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn Công ty TNHH L trình bày:**

Đề nghị tòa án giải quyết vụ việc và tuyên bố hợp đồng giữa Công ty TNHH L và Bà Phạm Thị X (thực tế người lao động là Bà Phạm Thị Phương K) là vô hiệu theo quy định của pháp luật. Hiện tại, do thời gian ký kết hợp đồng từ năm 2007 đã quá lâu, Công ty đã tiêu hủy hồ sơ trên 15 năm nên hồ sơ lao động của Bà Phạm Thị X không còn lưu trữ.

**\* Quá trình tham gia tố tụng, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Phương trình B:**

Bà Phạm Thị P và Phạm Thị X là hai chị em ruột, khoảng tháng 12 năm 2007 gia đình tôi lúc đó khó khăn lại không có việc làm nhưng chưa đủ tuổi, là chị em ruột nên bà X có cho bà P mượn giấy tờ tùy thân để xin việc làm, khi có giấy tờ bà P đã được Công ty TNHH L ký hợp đồng lao động và làm công nhân tại đây. Do hạn chế hiểu biết về pháp luật, nên lúc đó bà P cũng không suy nghĩ gì, Công ty TNHH L đã đóng bảo hiểm bắt buộc cho bà Phạm Thị P1 trong khoảng thời gian 02 năm 04 tháng với mã số BHXH: 4808009669. Do vậy Công ty TNHH L nơi bà Phạm Thị P làm việc và Công ty TNHH K1 nơi bà Phạm Thị X làm việc đều tham gia đóng BHXH bắt buộc cho bà (Phạm Thị X) tại cơ quan BHXH, sự việc này dẫn đến bà Phạm Thị X có 02 số BHXH: mã số: 4808034289 và 4808009669.

Nay bà Phạm Thị X yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa bà X với Công ty TNHH L vì trong khoảng thời gian tháng 12 năm 2007 đến tháng 03 năm 2010 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động thì bà P đồng ý và không có ý kiến gì. Về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động bà P không yêu cầu.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội TP Đà Nẵng trình bày:**

Qua tra cứu dữ liệu quản lý và hồ sơ lưu tại cơ quan BHXH thành phố Đà Nẵng, bà Phạm Thị X, sinh ngày 20/10/1989, căn cước công dân số 048189001191, có 02 sổ BHXH:

- Sổ BHXH 4811031848 có quá trình tham gia BHXH chưa hưởng BHXH một lần tại Công ty TNHH M từ tháng 8/2015 đến tháng 02/2020; tại Công ty TNHH M1 từ tháng 10/2020 đến 10/2024, tổng cộng: 08 năm 08 tháng.

- Sổ BHXH 4808009669 có quá trình tham gia BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) tại Công ty TNHH L từ tháng 12/2007 đến tháng 03/2010 chưa hưởng BHXH một lần và trợ cấp thất nghiệp như sau:

+ Thời gian đóng BHXH: Từ tháng 12/2007 đến tháng 03/2010 (02 năm 04 tháng).

+ Thời gian đóng BHTN: Từ tháng 01/2009 đến tháng 03/2010 (01 năm 03 tháng).

**\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về thủ tục tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó đề nghị HĐXX xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

- Về quan điểm đối với việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị X: tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phạm Thị X và Công ty TNHH L trong khoảng thời gian từ tháng 12/2007 đến tháng 03/2010 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người lao động trực tiếp tham gia lao động là bà Phạm Thị P. Các đương sự trong vụ án không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về lao động giữa nguyên đơn bà Phạm Thị X và Công ty TNHH L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại Điều 32, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn Công ty TNHH L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị P và Bảo hiểm xã hội TP Đà Nẵng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Về thủ tục hòa giải tranh chấp lao động cá nhân trước khi khởi kiện:

Bà Phạm Thị X đã nộp đơn yêu cầu hòa giải đến Sở Nội vụ, thành phố Đà Nẵng để yêu cầu hòa giải. Tại Công văn số 5172/SNV-LĐVL ngày 28/11/2025 của Sở N cho rằng đối với việc người lao động mượn hồ sơ của người khác là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về luật áp dụng: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong khoảng thời gian từ 12/2007 đến tháng 03/2010 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là .

## **[2] Về nội dung vụ án:**

Nguyên đơn bà Phạm Thị X yêu cầu tuyên bố đồng lao động đã ký giữa bà với Công ty TNHH L trong khoảng thời gian tháng 12 năm 2007 đến tháng 03 năm 2010 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động. Người lao động trực tiếp tham gia lao động là bà Phạm Thị P trong khi hợp đồng lao động mang tên bà Phạm Thị X.

Về hợp đồng lao động: bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị P và Công ty TNHH L đều xác nhận giữa bà P và Công ty TNHH L có ký hợp đồng lao động xác định thời hạn mang tên bà X nhưng thời gian đã lâu, bà P đã làm thất lạc hợp đồng, Công ty TNHH L cũng thừa nhận hiện tại, do thời gian ký kết hợp đồng từ năm 2007 đã quá lâu, Công ty đã tiêu hủy hồ sơ trên 15 năm nên hiện tại không còn lưu trữ.

Căn cứ vào Công văn số 1913/BHXH-QLT-PTNTG đề ngày 26/12/2025 của Bảo hiểm xã hội T2 cung cấp thì xác định bà Phạm Thị X, số BHXH 4808009669 có quá trình tham gia BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) tại Công ty TNHH L từ tháng 12/2007 đến tháng 03/2010 chưa hưởng BHXH một lần và trợ cấp thất nghiệp.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời khai của đương sự, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian tháng 12/2007 đến tháng 3/2010, bà Phạm Thị P đã mượn giấy tờ tùy thân của bà Phạm Thị X để ký hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động tại Công Ty TNHH L và đóng bảo hiểm xã hội ở đây. Trong thời gian này, bà Phạm Thị X đi làm tại Công ty TNHH K1 và tham gia đóng bảo hiểm bắt buộc với mã số BHXH: 4808034289 từ tháng 9 năm 2008 đến tháng 02 năm 2009.

Như vậy, trong khoảng thời gian tháng 9 năm 2008 đến tháng 02 năm 2009, bà Phạm Thị X cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 doanh nghiệp. Do đó có cơ sở xác định bà X không trực tiếp tham gia lao động tại Công Ty TNHH L, việc bà

Phạm Thị P ký hợp đồng lao động với Công Ty TNHH L nhưng với tên bà Phạm Thị X là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động nên có đủ căn cứ xác định hợp đồng lao động giữa bà Phạm Thị X (thực chất người lao động là bà Phạm Thị P) và Công Ty TNHH L là không có hiệu lực.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị X, tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phạm Thị X (thực chất người lao động là bà Phạm Thị P) và Công Ty TNHH L trong khoảng thời gian từ tháng 12/2007 đến tháng 03/2010 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động.

Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, các đương sự trong vụ án không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

**[3] Về án phí lao động sơ thẩm:** Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Công Ty TNHH L phải chịu án phí 300.000 đồng nhưng bà Phạm Thị X tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 127, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 15, điều 16 khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị X về việc “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phạm Thị X và Công ty TNHH L trong khoảng thời gian 12/2007 đến tháng 03/2010 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động.

- Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Các đương sự trong vụ án không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

#### **2. Về án phí lao động sơ thẩm:**

Bà Phạm Thị X tự nguyện chịu án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006522 ngày 03/12/2025 của Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng. Bà Phạm Thị X đã nộp đủ án phí lao động sơ thẩm.

#### **3. Quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4-ĐN;
- Phòng THADS khu vực 4-ĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Nguyễn Thi Thi**